

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (tên cũ: Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông) là công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 059162, cấp ngày 30 tháng 03 năm 1998 và thay đổi lần 20 vào ngày 29 tháng 09 năm 2015 theo mã doanh nghiệp là 3600253537.

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dung quấn dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng (hoạt động ngoài tỉnh). Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh sân golf. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Mã chứng khoán niêm yết: SAM.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết HĐQT số 17/2016/NQ-HĐQT ngày 13/01/2016 thì Công ty sẽ mua cổ phần nhà đầu tư chiến lược tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với tổng giá trị dự kiến là 339.139.440.000 đồng (tương ứng là 28.261.620 cổ phần). Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2015.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	Từ ngày 12/03/2016
Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	Đến ngày 11/03/2016
Ông Đỗ Văn Trác	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	Từ ngày 12/03/2016
Ông Hoàng Trí Cường	Thành viên	Đến ngày 11/03/2016
Ông Vũ Minh Khiêm	Thành viên	Đến ngày 22/04/2015
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên	Đến ngày 11/03/2016
Bà Lê Thị Liên	Thành viên	Đến ngày 22/04/2015
Ông Lưu Tường Bách	Thành viên	Đến ngày 22/04/2015
Ông Đỗ Thanh Bình	Thành viên	Từ ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Từ ngày 11/03/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Trắc	Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/07/2015
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Anh Vương	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 12/03/2016
Ông Đỗ Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 12/03/2016

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng ban	
Bà Đinh Thị Hoài Bắc	Thành viên	Từ ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	Từ ngày 22/04/2015
Ông Trần Văn Dương	Thành viên	Đến ngày 22/04/2015
Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên	Đến ngày 22/04/2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Trắc
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Số : 123/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom và các công ty con*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/03/2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom và các công ty con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.794.542.299.861	1.213.481.016.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.323.013.379	116.818.917.496
1. Tiền	111		54.234.415.578	26.039.767.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.088.597.801	90.779.150.395
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	9.481.880.000	12.362.360.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.064.360.000	21.762.360.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.232.480.000)	(9.400.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		650.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		745.558.872.943	544.892.257.754
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	693.244.235.707	434.922.082.278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.815.539.809	102.110.241.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.499.097.427	7.859.934.268
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	891.682.295.316	515.820.659.969
1. Hàng tồn kho	141		898.086.842.330	523.219.823.865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.404.547.014)	(7.399.163.896)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.496.238.223	23.586.820.837
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	2.411.847.921	976.395.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.060.611.238	20.176.697.364
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.023.779.064	2.433.728.468
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.758.369.287.378	2.017.944.132.844
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.317.535.177	110.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	46.212.535.177	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	110.105.000.000	110.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
II. Tài sản cố định	220		659.624.539.413	301.939.662.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	600.700.644.760	241.467.606.054
- Nguyên giá	222		982.994.357.330	587.184.234.217
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(382.293.712.570)	(345.716.628.163)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	58.923.894.653	60.472.056.766
- Nguyên giá	228		69.602.701.855	69.569.701.855
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.678.807.202)	(9.097.645.089)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	150.704.686.974	152.677.538.738
- Nguyên giá	231		162.364.433.143	160.694.206.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.659.746.169)	(8.016.667.572)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5	486.596.137.573	1.152.943.555.379
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	196.593.026.293
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		486.596.137.573	956.350.529.086
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	293.562.811.728	286.759.448.689
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		274.885.367.074	268.473.387.392
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.778.994.217	34.425.814.944
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(15.101.549.563)	(16.139.753.647)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.563.576.513	13.623.927.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	11.108.501.093	13.623.927.218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		455.075.420	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.552.911.587.239	3.231.425.148.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.090.313.190.418	755.706.115.693
I. Nợ ngắn hạn	310		1.048.630.346.235	706.918.381.509
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	158.406.225.979	117.912.705.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.035.174.686	18.357.765.326
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.605.035.155	15.870.710.401
4. Phải trả người lao động	314		14.095.250.032	11.721.351.297
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	614.784.321	864.260.601
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	680.505.878	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	29.446.497.337	10.961.662.077
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	823.432.471.653	519.367.185.920
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.314.401.194	11.862.739.929
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.682.844.183	48.787.734.184
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	18.090.240.000	18.090.240.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	892.578.305	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	-	1.148.486.135
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.176.753.061	4.151.985.232
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	19.523.272.817	25.397.022.817
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.462.598.396.821	2.475.719.033.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.420.508.024.331	2.433.418.033.335
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.802.353.360.000	1.307.984.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.802.353.360.000	1.307.984.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		406.943.449.943	901.532.493.943
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		155.550.407.483	155.554.181.016
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.660.806.905	68.347.038.376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		640.921.883	2.416.943.928
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		55.019.885.022	65.930.094.448
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.090.372.490	42.300.999.872
III. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.552.911.587.239	3.231.425.148.900

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Xuân

Nguyễn Văn Trường

Đỗ Văn Trắc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.215.872.494.105	1.684.368.373.778
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.365.465.393	2.278.960.978
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.207.507.028.712	1.682.089.412.800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.002.326.522.945	1.496.682.097.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		205.180.505.767	185.407.315.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	13.172.645.890	18.284.364.542
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	51.704.887.375	18.569.121.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.189.142.475	12.744.916.277
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		7.673.264.282	(1.698.505.619)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	43.451.029.050	36.002.701.872
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	48.450.392.050	51.679.636.829
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.420.107.464	95.741.713.691
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.103.282.649	3.811.467.393
13. Chi phí khác	32	VI.9	12.175.219.148	1.554.961.271
14. Lợi nhuận khác	40		(11.071.936.499)	2.256.506.122
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.348.170.965	97.998.219.813
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	17.049.223.496	24.343.888.602
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(455.075.420)	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		54.754.022.889	73.654.331.211
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		56.804.057.945	74.589.952.608
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.050.035.056)	(935.621.397)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	305	375
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	305	375

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Xuân

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Trác

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

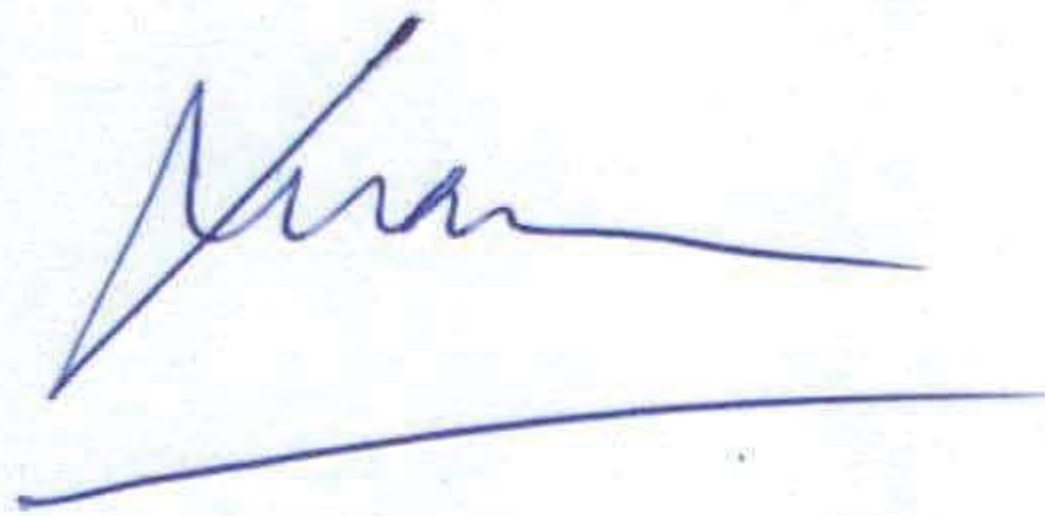
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.348.170.965	97.998.219.813
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		52.401.206.148	39.345.647.751
- Các khoản dự phòng	03		(9.200.340.966)	(16.163.704.093)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.087.464.201	2.525.618.060
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.451.254.508)	(25.589.433.097)
- Chi phí lãi vay	06		27.189.142.475	12.744.916.277
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		140.374.388.315	110.861.264.711
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(151.547.453.317)	(213.558.953.296)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(67.188.862.648)	(149.445.533.137)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		47.680.845.972	610.933.059
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.079.973.209	(85.298.418)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		10.698.000.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.189.142.475)	(12.744.916.277)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.414.168.327)	(17.134.351.361)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.563.433.852	16.291.887.692
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(32.014.111.202)	(4.611.502.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.957.096.621)	(269.816.469.643)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(199.019.266.820)	(176.026.744.694)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.391.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(126.850.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		127.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(18.113.297)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.440.534.600	12.578.266.198
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.112.672.113	13.335.049.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(178.424.241.925)	(150.131.542.154)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.711.838.752.487	1.098.744.797.885
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.413.647.216.754)	(835.863.328.191)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.305.459.660)	(78.421.372.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		228.886.076.073	184.460.096.774
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.495.262.473)	(235.487.915.023)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		116.818.917.496	352.309.710.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(641.644)	(2.878.125)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	91.323.013.379	116.818.917.496

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trường

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Trắc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (tên cũ: Công ty cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông) là công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 059162, cấp ngày 30 tháng 03 năm 1998 và thay đổi lần 20 vào ngày 29 tháng 09 năm 2015 theo mã doanh nghiệp là 3600253537.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Mã chứng khoán niêm yết: SAM.

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Địa ốc Sacom	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ bất động sản; xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công ích; giám sát thi công...	99,40%
Công ty CP Sacom – Tuyền Lâm	Dịch vụ du lịch, ăn uống, lưu trú, thể thao, cho thuê biệt thự, kinh doanh bất động sản...	99,76%
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, tư vấn quản lý...	73,75%
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Sản xuất dây cáp, cáp điện và điện tử khác; sản xuất ống nhựa, dây cáp, sợi cáp quang học,	99,90%

Các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty LD cáp Taihan – Sacom	Sản xuất các loại cáp nhôm, cáp viễn thông, cáp quang ...	30,00%
Công ty CP Nhựa Sam Phú	Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm nhựa	25,10%
Công ty CP Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện, viễn thông.	32,54%
Công ty CP Bất động sản Hiệp Phú	Kinh doanh bất động sản	40,00%

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng và kinh doanh bất động sản.